

I. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CSGD TRẺ 24-36 THÁNG TUỔI
NĂM HỌC 2024-2025

A. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Mục tiêu:

1.1 Tổ chức bữa ăn

- 100% trẻ ăn bán trú tại trường, không để trẻ xảy ra thương tích hay ngộ độc thực phẩm.
- Tổ chức các bữa ăn cho trẻ đảm bảo theo quy định, đủ năng lượng của trẻ trong ngày, cung cấp dinh dưỡng giúp trẻ phát triển cân đối, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng. Đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ đạt tỉ lệ Kcal từ 600- 651 Kcal trẻ/ ngày.
- Thực hiện ký hợp đồng với nhà cung cấp thực phẩm. Đảm bảo 100% nguồn thực phẩm tươi ngon rõ nguồn gốc đảm bảo chất lượng, hợp vệ sinh.
- Thực hiện tốt 3 bước, lưu đủ mẫu thức ăn hằng ngày theo quy định.
- Giáo viên cung cấp cho trẻ biết được một số món ăn, thực phẩm;
- Giáo viên rèn cho trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, dạy trẻ làm một số việc tự phục vụ trong tổ chức bữa ăn; trẻ biết phân loại các đồ dùng ăn uống.

1.2 Tổ chức giấc ngủ

- Giúp trẻ có giấc ngủ tốt với khoảng thời gian 150 phút, đảm bảo sức khỏe, giúp trẻ phát triển toàn diện
- Trẻ có thói quen chuẩn bị cho giấc ngủ tốt và sau khi ngủ dậy

1.3 Tổ chức vệ sinh

- Giáo viên giúp trẻ có thói quen vệ sinh vệ sinh, có một số hành vi tốt trong vệ sinh, biết giữ gìn cơ thể khỏe mạnh.
- Tập cho trẻ thói quen giữ gìn vệ sinh cá nhân , vệ sinh nhóm lớp sạch sẽ.

1.4 Chăm sóc sức khỏe

- Trẻ biết giữ gìn sức khỏe và sự an toàn. Trẻ có một số kiến thức về phòng bệnh thông thường.

2. Chuẩn bị:

- Tổ chức bữa ăn: Giáo viên phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng cho bữa ăn
- Tổ chức giấc ngủ: Giáo viên phải chuẩn bị tâm thế cho trẻ, các đồ dùng phục vụ tốt cho giờ ngủ

-Tổ chức vệ sinh: Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh, nước sạch nước sát khuẩn...

- Chăm sóc sức khỏe: Giáo viên thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ.

3. Nội Dung

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Hai bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: Trẻ ăn cơm thường - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 600 - 651 Kcal. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn	CBQL, Giáo viên, , nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 tuần - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Cô rửa tay, lau mặt, đeo yếm (Trẻ nhỏ hơn) cho trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ. - Cho trẻ đi vệ sinh nếu có nhu cầu. <i>* Trong khi ăn:</i> - Cô đưa cơm tới tận bàn cho trẻ, hỗ trợ trẻ xúc cơm ăn. - Cho trẻ xúc ăn chưa thạo ngồi riêng nhóm để cô tiện hỗ trợ chăm sóc. - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Kiên trì tập cho trẻ quen dần với các loại thực phẩm chế biến ở trường, đặc biệt là đối với những trẻ mới đi học, trẻ bắt đầu chuyển chế độ ăn (từ cháo sang cơm...) - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở.		
--	---	--	--

	Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghé vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng hoặc súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). <i>* Trước lúc cho trẻ ngủ:</i> - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối; - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). <i>* Trong khi ngủ</i> - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác <i>* Sau khi thức dậy</i> - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - Bảo mẫu	

3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Thời điểm có nguy cơ dịch bệnh, mỗi ngày đều phải giặt khăn bằng nước nóng. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để giáo viên có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hàng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy,	Giáo viên và bảo vệ	
----------------------------------	---	----------------------------	--

	để cất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho. - Đối với đồ chơi dùng hàng ngày của trẻ nhà trẻ, rửa bằng nước sạch, phơi khô hoặc sát khuẩn hàng ngày; hàng tuần rửa bằng xà phòng diệt khuẩn, phơi khô. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hàng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hàng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ hàng ngày cọ rửa bằng xà phòng, úp khô, phơi nắng. Cuối ngày ngâm bô bằng dung dịch sát khuẩn. Lưu ý: Bô phải rửa ngay sau mỗi lần trẻ đi vệ sinh. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp, thùng rác phải đảm bảo có nắp đậy: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định và được xử lý hàng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng.		
--	--	--	--

	- Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ô màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe * Khám sức khỏe - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe * Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ. - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao 3 tháng 1 lần (vào tháng 9, 12/2024 và tháng 3/2025); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vì rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL.	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	

	+ Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. <i>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i> - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch bệnh. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng	- Trẻ được quan tâm hơn về nhiều mặt, được chăm sóc riêng khi ăn, ngủ - Thường xuyên trao đổi với phụ huynh về sức khỏe của trẻ	- CBQL - Giáo viên phụ trách nhóm lớp - Nhân viên y tế - Phụ huynh	

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 24-36 THÁNG TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
Giáo dục phát triển thể chất	
* Dinh dưỡng và sức khỏe: 1- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Trẻ trai: - Cân nặng từ 11,3 đến 18,3 (kg) - Chiều cao từ 88,7 đến 103,5 (cm) + Trẻ gái: - Cân nặng từ 10,8 đến 18,1 (kg) - Chiều cao từ 87,4 đến 102,7 (cm)	* Dinh dưỡng và sức khỏe: - Hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng - Chăm sóc bữa ăn giấc ngủ cho trẻ, chế độ ăn phù hợp với trẻ - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ - Cân đo theo dõi, đánh giá sự phát triển cân nặng và chiều cao của trẻ. - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì - Phòng tránh các bệnh thường gặp - Phối kết hợp cùng phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ
2- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau, ăn đầy đủ 4 nhóm thực phẩm.
3- Trẻ có một số thói quen tốt trong ăn uống	- Luyện nề nếp, thói quen tốt trong ăn uống: ăn hết suất, ăn ngon miệng, ăn không ngậm
4- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Chuẩn bị cho trẻ ngủ - Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Theo dõi trẻ ngủ
5- Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ hoặc lời nói.	- Nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh..
6- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn.	- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống và sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt + Chuẩn bị chỗ ngủ - Ứng dụng kênh Bookids: bé biết chăm sóc bản thân.
7- Trẻ làm được một số thao tác đơn giản	- Tập cho trẻ một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt

	- Nhận biết một số việc làm cần thiết như: Đeo khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng và dung dịch sát khuẩn.... chống dịch covid-19 - Ứng dụng kênh Bookids: bé biết chăm sóc bản thân.
8- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định như: Giới thiệu với trẻ các khu vực vệ sinh và hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định. Ngồi đúng tư thế.
9- Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần
10 - Biết tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và cách phòng tránh (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...).
11 - Biết tránh một số con vật nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết không chơi và lại gần các con vật (chó, mèo...)
12 - Trẻ chấp nhận: đội mũ khi đi ra nắng; đi dày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Vâng lời người lớn đội mũ khi đi ra nắng; đi dày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh, đeo khẩu trang khi ra đường và nơi đông người.
* Phát triển vận động: 13- Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng, bụng, chân.	* Phát triển vận động: - Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
14- Giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	-Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đứng co 1 chân. + Đi có mang vật trên tay + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Đi thay đổi tốc độ + Đi kết hợp với chạy + Chạy theo hướng thẳng + Chạy đổi hướng + Đi theo nhịp đếm, trống, bài hát + Đi bước qua gậy kê cao + Đi bước vào các ô + Bước lên xuống bậc cao 15cm

	+ Bước lên xuống bậc có vịn
15- Thực hiện phối hợp vận động tay- mắt.	-Tập tung, ném, bắt: + Ném bóng về phía trước + Ném bóng vào đích (đích xa 70 – 100cm) + Tung - bắt bóng cùng cô + Tung bóng bằng 2 tay + Tung bóng qua dây
16- Biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn.	- Tập bò, trườn: + Bò trong đường hẹp 35 - 40 cm + Bò qua vật cản + Bò theo hướng thẳng và có vật trên lưng + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò zích zắc + Trườn chui qua cổng + Trườn qua vật cản
17- Biết thể hiện sức mạnh trong vận động bật.	- Tập nhún bật: + Nhún bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ (bật qua các vòng) + Nhún bật về phía trước + Bật xa bằng 2 chân
18.Các cử động bàn tay, ngón tay, cổ tay.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé. - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây.
19 - Phối hợp tay, mắt trong các hoạt động: Nhào đất nặn; Vẽ tổ chim; Xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ; “múa khéo”...	- Đóng cọc bàn gỗ... - - Nhón nhặt đồ vật - Chắp ghép hình - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách. - Chồng, xếp 6 - 8 khối - Một số trò chơi vận động
Phát triển nhận thức	
20- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc - Sờ nắn, nhìn, ngửi.. đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - nặn - chua) - VTV7 Kids: Xứ sở cầu vòng, ném, ăn các loại quả.

21-Có sự nhạy cảm của các giác quan	- Sờ, nắn, đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn - xù xì - Nếm vị của một số thức ăn, quả (Ngọt, mặn, chua)
22- Biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	- Chơi thao tác vai. - Làm quen một số đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày
23- Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Luyện tập một số thao tác đơn giản tự phục vụ bản thân. - Đồ dùng đồ chơi của bản thân của nhóm, lớp.
24- Nói được tên bản thân và những người gần gũi.	- Tên của mình và tên của người thân trong gia đình
25- Nói được tên, chức năng của một số bộ phận trên cơ thể	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: (mắt để nhìn, mũi để thở, miệng để ăn, để nói, cười...). - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
26- Công việc của người thân trong gia đình khi được hỏi.	- Tên công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.
27- Biết được tên cô giáo và các bạn trong lớp.	- Tên của cô giáo, các bạn nhóm/ lớp
28- Nói được tên và đặc điểm nổi bật của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. Nói được tên và đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả Nhận biết được một số phương tiện giao thông.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của đồ dùng, đồ chơi của bé, đồ dùng gia đình. + Đồ dùng để ăn, uống, sinh hoạt + Đồ dùng của bé + Đồ chơi của bé -Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. + Một số loại rau, hoa, quả, + Một số vật nuôi trong gia đình + Một số con vật sống dưới nước + Một số con vật sống trong rừng - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của đồ dùng, đồ chơi của bé, đồ dùng gia đình, phương tiện giao thông gần gũi + Một số phương tiện giao thông đường bộ + Một số phương tiện giao thông đường sắt + Một số phương tiện giao thông đường Thủy + Một số phương tiện giao thông đường hàng không
29 Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Chọn đồ chơi màu xanh, đỏ, vàng; - Chọn đồ dùng màu xanh, đỏ, vàng
30 Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to, nhỏ theo yêu cầu	- Phân biệt kích thước to – nhỏ của các đối tượng quan sát được. + Nhận biết đồ chơi to hơn – nhỏ hơn

31. Trẻ biết hoạt động một số ngày lễ hội ở địa phương địa phương. Biết được tên và hình ảnh Bác Hồ	- Bé vui đón tết Nguyên Đán - Một số ngày lễ khác - Bác Hồ kính yêu
32 - Trẻ nhận biết được hình dạng	- Hình tròn, hình vuông.
33- Trẻ nhận biết được số lượng.	- Số lượng (Một - nhiều)
34- Trẻ nhận biết được vị trí trong không gian so với bản thân trẻ	- Vị trí trong không gian (Trên- dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.
35. Trẻ biết hoạt động một số ngày lễ hội ở địa phương địa phương. Biết được tên và hình ảnh Bác Hồ	- Tết trung thu của bé, - Bé vui đón tết Nguyên Đán - Bé vui 8/3 - Một số ngày lễ khác - Bác Hồ kính yêu
36. Trẻ biết một số hoạt động lớp mẫu giáo.	- Bé lên Mẫu giáo
37. Trẻ biết được một số hoạt động khi mùa hè đến	- Bé với mùa hè
Phát triển ngôn ngữ	
38- Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm của tiếng Việt. - Nói được câu có 5- 7 từ
39- Trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói của người khác	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói - Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”
40- Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát - Ứng dụng kênh Bookids/Thơ hay cho bé/ Đồng dao
41- Đọc được thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng: * Bé và các bạn – Vui tết trung thu: - Thơ: Cô và mẹ, Bé đi nhà trẻ, Cô giáo của con, bé đến lớp, bạn mới, Mẹ và cô, Chú gà đi học, trường em, bé không khóc nữa. - Thơ: Đôi mắt của em, miệng xinh, cái lưỡi, bé ơi, cô dạy, bé và mèo, xoè tay, tập thể dục, bàn tay đẹp. - Thơ: Đi dép, Năm mảnh gỗ, cất đồ chơi gọn gàng, xếp nhà, chơi bập bênh, gấu con chụp ảnh. * Gia đình bé và ngày hội của Bà của mẹ....:

- Thơ: Yêu mẹ, ẵm và chắt, chiếc đồng hồ, cháu yêu bà, giúp mẹ, bà và cháu, con ngoan.

*** Trường mầm non- Ngày hội của cô giáo**

+ Bé Mai đi học, mẹ tắm cho bé, chiếc đu màu đỏ, cơ thể bé, các bạn của bé, xếp nhà cho búp bê

+ Đôi bạn nhỏ (Nguyễn Thị Thảo), Các bạn đang chơi. Chào buổi sáng (Nguyễn Thị Quyên), Bé đến trường, Mèo hoa đi học(Sưu tầm),

*** Những con vật đáng yêu:**

- Thơ: Đàn lợn con, ếch dưới ao, đàn gà con, con cá vàng, chú gà con

*** Bé yêu cây xanh tết và mùa xuân của bé:**

Mùa xuân; Hoa nở; Cây đào; Dán hoa tặng mẹ; Quả thị; Na; Chuối; tết là bạn nhỏ, dán hoa tặng mẹ, Hồ sen, hoa đồng hồ, hoa kết trái, Hoa mơ, cây đào, hoa bướm, cây gạo.

*** Những loại quả bé thích:**

- Thơ: Quả, quả thị, quả chuối, Ăn quả, Quả na., Quả dưa hấu, Quả đu đủ, Quả đỏ, Quả cam Sành, quả ngọt.

*** Những loại rau bé thích:**

- Thơ: Củ cà rốt, bắp cải xanh, giàn mướp, vườn cải, Vườn rau.

*** Bé với phương tiện giao thông:**

- Thơ: Đèn đỏ đèn xanh, ơi chiếc máy bay, Con tàu, xe chữa cháy, xe lu, đi chơi phố, khuyên bạn, đi xe đạp.

Chủ đề Mùa hè đến rồi Nắng bốn mùa; Cầu vồng (Nhược Thủy); Mưa (Lê Lâm); Tiết kiệm nước; đi nắng, bóng mây,

*** Bé lên mẫu giáo- Mừng ngày sinh nhật Bác Hồ:**

- Thơ: Bé làm họa sĩ, Bạn của bé , bé ngoan, đi học đúng giờ, mèo con đi học, Bé lên mẫu giáo, bàn tay cô giáo, bé tập nói ,bác hồ của em, cô giáo của em...

*** Nghe các bài đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố**

+ Công cha nghĩa mẹ, Cầu mưa, Trăng đầu, Con cóc, Bồng bồng bang bang, con gà, Con cua, Ông sảo ông sao, Cuội được tiền, Chú cuội, Tập tầm vông, thằng bôm, dung dăng dung dẻ...

	- Ứng dụng kênh Bookids/Thơ hay cho bé/ Đồng dao
42- Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu, hồn nhiên trong giao tiếp	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì?; Ở đâu?; Thế nào?; Để làm gì? Tại sao?
43- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. (Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay...)
44- Trẻ hiểu được nội dung chuyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Lắng nghe người lớn đọc sách - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý - Nghe các truyện ngắn: Chủ đề : Bé và các bạn- Vui tết trung thu - Truyện: vịt con đi học, Kể chuyện theo tranh: cô giáo của bé, Đôi bạn tốt, chia ngọt sẻ bùi, các bạn của mèo con * Cơ thể của bé - Truyện: Vệ sinh buổi sáng, Tiệm cắt tóc của khi con, mỏ bẹt và mỏ nhọn, kể chuyện theo tranh: bạn của tôi tên gì?. * Đồ chơi của bé: - Truyện: Chiếc đu màu đỏ, chiếc áo mới, Kể chuyện theo tranh: Gấu con màu hồng. Chủ đề: Gia đình bé ngày hội của Bà , Mẹ....: - Truyện: Cả nhà ăn dưa hấu, Cháu chào ông ạ, Bé Minh Quân dũng cảm, cháu ngoan của bà. Giúp mẹ nhặt rau, Lấy tăm cho bà, Giúp bà, Chú gấu con ngoan(Vân Nhi) Vì sao bé huy nín khóc (Phương Dung), Bàn chải đánh răng (Thúy hà) Cháu chào ông ạ,; Bé Mai ở nhà,... Chủ đề ; Trường mầm non + Bé Mai đi học, mẹ tắm cho bé, chiếc đu màu đỏ, cơ thể bé, các bạn của bé, xếp nhà cho búp bê + Đôi bạn nhỏ (Nguyễn Thị Thảo), Các bạn đang chơi. Chào buổi sáng (Nguyễn Thị Quyên), Bé đến trường, Mèo hoa đi học(Sưu tầm), Chủ đề bé và gia đình; Chủ đề ; Những con vật đáng yêu + Thỏ ngoan (Hoàng Oanh), Con cáo (Nguyễn Thị Thảo), Quả trứng (Nguyễn Duy Thái), Chú vịt

	xám (Lê Thu Hương), Con cá chép, Làng chim, Con gà, Con ốc sên, Sẻ con, Chim và cá (Nguyễn Thị Thảo), quả trứng, sẻ con, bác gấu đen và 2 chú thỏ... Chủ đề :Bé yêu cây xanh- mùa xuân của bé + Cả nhà đón tết, Cây táo (Chế Thùy Như), Quả thị, Cây táo thần (Kim Tuyến), Cây táo ngọt, Hoa đào,mùa xuân đã về,cô và các bạn xem hoa, Chủ đề giao thông + Chuyến du lịch của chú gà trống choai (Lương Thị Bình), Câu chuyện về chú xe ủi(Lương Thị Bình), Vì sao thỏ cụt đuôi (Đặng Lan), Vịt và rùa đi tắm biển,xe lu và xe ca. Chủ đề mùa hè bé lên mẫu giáo + Cóc gọi trời mưa(Nguyễn Thị Thảo), Mèo nhát(Nguyễn Thị Thảo), Sóc và thỏ đi tắm nắng(Vân Nhi) + Một ngày bé đến trường, Chào buổi sáng(Nguyễn Thị Quyên).Bé mai đi công viên(Vũ Hồng Tâm-- Truyện: đôi bạn tốt, sinh nhật của thỏ con, bài học đầu tiên của gấu con, bé mai ở nhà.
45- Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý.
46- Trẻ biết thể hiện sự thích thú với sách	- Làm quen với sách - Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
47-Trẻ thích xem tranh và gọi tên .	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật,sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
48- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
49 - Biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau	- Chào hỏi trò chuyện. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây? - à
50- Nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
Phát triển TC&KN XHTM	

51- Trẻ có ý thức về bản thân và nói được một vài thông tin về mình (Tên, tuổi...)	- Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài, ý thích của bản thân.
52- Biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình
53- Chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn
54- Trẻ nhận biết và biểu lộ được cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện 1 số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận
55- Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện 1 số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
56- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích	- Trẻ làm 1 số việc đơn giản theo ý thích của mình.
57- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp với những người xung quanh. Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ” , “vâng ạ”; Chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
58- Trẻ biết hát và vận động 1 số bài hát/ bản nhạc quen thuộc	+ Hát đơn giản theo nhạc: * Bé và các bạn: - Đi nhà trẻ, ngày vui của bé, em chơi đu, sáng thứ 2, đội kèn tí hon, vui đến trường. * Cơ thể của bé - Giờ ăn, Em búp bê, năm ngón tay ngoan, Tay thơm tay ngoan, Tâm sự của cái mũi, đi ngủ. * Đồ chơi của bé: - Quả bóng, bé quét nhà, Em ngoan hơn búp bê * Gia đình bé: - Lời chào buổi sáng, Biết vâng lời mẹ dặn, Quà mừng tám tháng ba, đồ dùng bé yêu. * Chủ đề những con vật đáng yêu: - Con gà trống, Cá vàng bơi, chú gà trống gọi, phi ngựa, Ai cũng yêu chú mèo, một con vịt. * Thế giới thực vật- Tết và mùa xuân: - Bắp cải xanh, em yêu cây xanh, - Bé và hoa, Màu hoa, Ra vườn hoa em chơi. * Bé với phương tiện giao thông: - Em đi qua ngã tư đường phố, Em đi chơi thuyền, đoàn tàu nhỏ xíu

	* Mùa hè đến- Mừng sinh nhật Bác Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung Trời nắng trời mưa.cháu vẽ ông mặt trời, em mơ gặp Bác Hồ * Bé lên mẫu giáo: - Cháu đi mẫu giáo, em đến trường mầm non,), Cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuấn). Bé em tập nói,
59.Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc, với các giai điệu khác nhau. - Nghe âm thanh của các nhạc cụ...	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau. * Bé và các bạn Vui tết trung thu: - Ru em, Chiếc đèn ông sao, - Mời bạn ăn, Nu na nu nống, Cái mũi, Năm giác quan. - Bóng tròn to, Chiếc khăn tay, trống cơm * Gia đình bé và ngày hội của bà, của mẹ...: - Bàn tay mẹ, Mẹ yêu không nào, Mẹ đi vắng, tổ ấm gia đình, Một sợi rơm vàng, Thằng bõm có cái quạt mo, tổ ấm gia đình. Trường mầm non và ngày hội của cô - Vui đến trường, Đi học, em yêu trường em.Lớp chúng mình, Cô và Mẹ, Cô giáo.... * Những con vật đáng yêu: - Gà gáy le te, Gà trống mèo con, chú mèo con, con cò cánh trắng * Bé yêu cây xanh- mùa xuân của bé: - Em yêu cây xanh, Bé và hoa, Hoa thơm bướm lượn, Em là bông hồng nhỏ. mùa xuân,Vườn cây nhà bé, vườn cây của ba-, * Những loại rau , củ quả: em ra vườn rau. Bắp cải xanh; Vườn cây của ba (Phan Nhân), Dân ca tự chọn.bầu bí thương nhau,ra thăm vườn hoa, * Bé với phương tiện giao thông: - Nhớ lời cô dặn (Hồng Ngọc); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yên); Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường); Anh phi công ơi (Nhạc: Xuân Giao, Lời: Xuân Quỳnh). Dân ca (tự chọn),bác đưa thư vui tính,một đoàn tàu... + Trò chơi âm nhạc: Tai ai tinh; Giọng hát to, giọng hát nhỏ,... * Mùa hè đến và mừng sinh nhật Bác Hồ Em mơ gặp Bác Hồ, Em đi trong tươi xanh (Vũ Thanh),...Hòa bình cho bé (Huy Trân) Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu) ,hè đến,nắng sớm, ,nhớ ơn Bác, đi thăm thủ đô, trời nắng trời mưa, * Bé lên mẫu giáo:

	- Trường chúng cháu là trường mầm non, Đi học về, Em đi mẫu giáo. - Các làn điệu dân ca Nghệ An: Cánh vồng mẹ ru, Quê Hương, Giọng nghệ tìm về, Trở về xứ Nghệ, khúc hát sông quê... - Các ca khúc về Diễn Châu - Nghe âm thanh về các nhạc cụ: Sáo, khèn,
60- Trẻ thích tô màu, vẽ nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút, di màu, vẽ nguệch ngoạc)	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. + Vẽ nguệch ngoạc + Xếp đường đi + Xếp cái nhà, xếp cái cổng + Xé theo đường kim châm + Di màu quả bóng, + Tô màu con cá heo + Tô màu quả bóng. + Tô màu đường về nhà + Tô màu chiếc yếm + Tô màu cái trống lắc + Tô màu bong bóng + Tô màu củ cà rốt + Tô màu đèn giao thông + Tô màu máy bay + Tô Màu ô tô + Tô màu mũ bảo hiểm + Tô màu con voi. + Tô màu bánh chưng + Vẽ hoa tặng cô giáo + Vẽ các Tia nắng + Vẽ mưa mùa xuân + Tô màu đường về nhà + Tô màu chiếc áo của mẹ + Tô màu chiếc cốc + Tô màu cái xô cho cô cấp dưỡng + Tô màu quả táo + Tô màu chiếc ô + Tô màu bánh ga tô + Làm quen đất nặn xoay tròn, lăn dẹt + Nặn thức ăn cho các con vật + Nặn quả + Nặn cái lá + Nặn bánh xe + Nặn cánh hoa + Tập vo giấy + Tập Xé theo ý thích + Dán lá cho cành hoa

	+ Xếp hình theo yêu cầu và theo ý thích - Xâu vòng tặng người thân (bà, mẹ, ông , bố...) * Những bông hoa xinh đẹp: Nặn lá cho hoa - Xem tranh VTV7 Kids: Xứ sở cầu vòng. Vẽ tranh
61- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi	- Quan sát con vật quen thuộc qua tranh ảnh, băng hình, vật thật.
62- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ	- Chơi thao tác vai: Chơi bế em, khuấy bột cho em bé, cho em bé ăn, bán hàng, khám bệnh, nghe điện thoại...